

**KẾT QUẢ BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI SẮT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO ĐỢT THÁNG 12/2025**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
1	27211342914	Bùi Trường An	6/1/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC1	7.3	4.3	Không Đạt	
2	28214954772	Cao Bá An	7/18/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	5.7	5.0	Đạt	
3	27213801662	Đặng Mai An	7/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN7	5.7	3.3	Không Đạt	
4	28204950432	Đỗ Thị Lan Anh	10/6/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN7	9.7	9.3	Đạt	
5	29206759011	Hà Thị Lý Anh	6/19/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT13	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
6	27202142288	Hồ Mai Anh	9/29/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	9.3	6.0	Đạt	
7	27203349833	Hồ Thị Vân Anh	12/21/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	30THT16	6.0	4.5	Không Đạt	
8	28208105564	Huỳnh Thị Vân Anh	9/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC12	8.7	6.5	Đạt	
9	28204951038	Lê Hà Kiều Anh	5/28/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	31CSC7	9.3	6.5	Đạt	
10	28208006728	Lê Thị Anh	5/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC12	8.0	6.3	Đạt	
11	28212306329	Lương Tuấn Anh	5/2/2004	Bình Phước	Nam	Kinh	31TYC11	5.7	7.3	Đạt	
12	28214101119	Nguyễn Đắc Tuấn Anh	1/26/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CBN8	9.0	3.4	Không Đạt	
13	28212305883	Nguyễn Hoàng Anh	6/30/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC3	6.7	3.3	Không Đạt	
14	28212302694	Nguyễn Tấn Anh	2/11/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CSC8	9.7	8.3	Đạt	
15	28208101888	Nguyễn Thị Vân Anh	11/30/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	7.3	3.8	Không Đạt	
16	28204825385	Trần Mai Anh	11/25/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	3.3	5.0	Không Đạt	
17	28206121597	Trần Quế Anh	12/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	5.3	5.0	Đạt	
18	28208200774	Trần Thị Minh Anh	12/4/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC6	10.0	5.8	Đạt	
19	27202241869	Võ Thị Kiều Anh	5/26/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31CHT7	6.3	3.8	Không Đạt	
20	28204632878	Võ Thị Vân Anh	7/19/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT8	8.3	4.1	Không Đạt	
21	28207230884	Phạm Trần Ngọc Ánh	4/3/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC7	9.7	8.8	Đạt	
22	28208053167	Phan Thị Minh Ánh	4/21/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	6.7	3.8	Không Đạt	
23	28214603301	Trần Nguyệt Ánh	9/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC8	9.3	5.0	Đạt	
24	28205206909	Lê Ra Ayun	3/17/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31THT13	8.0	4.0	Không Đạt	
25	28212300980	Đậu Văn Bách	11/7/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31TSC12	7.7	8.3	Đạt	
26	27215445596	Trương Công Bản	12/2/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	8.0	7.5	Đạt	
27	28212301206	Đoàn Văn Bằng	7/21/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CYC8	V	V	Vắng thi	
28	28212201361	Đặng Quốc Bảo	10/25/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CHT7	4.7	6.0	Không Đạt	
29	28212353875	Huỳnh Ngô Gia Bảo	10/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC12	10.0	7.5	Đạt	
30	29218144012	Nguyễn Gia Bảo	12/3/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC12	7.0	5.0	Đạt	
31	28212301053	Nguyễn Xuân Bảo	1/13/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN12	7.7	6.1	Đạt	
32	28211145153	Thái Hoàng Bảo	7/19/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC12	8.0	6.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
33	28218003890	Trần Phạm Gia Bảo	7/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC6	7.7	3.8	Không Đạt	
34	28216553131	Trương Xuân Bìn	3/31/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31CHT7	5.7	4.3	Không Đạt	
35	28218250753	Tạ Quang Binh	7/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN8	9.0	6.3	Đạt	
36	27217101741	Nguyễn Phúc Sơn Ca	8/20/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CYC7	9.0	5.0	Đạt	
37	28204602460	Dương Bảo Châu	1/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC6	9.0	7.3	Đạt	
38	29207255383	Nguyễn Đào Doan Châu	8/9/2005	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TBN12	9.3	8.5	Đạt	
39	28204300465	Nguyễn Thị Ni Châu	5/5/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC3	9.7	6.3	Đạt	
40	28203603700	Võ Thị Lan Châu	6/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC6	6.0	7.0	Đạt	
41	29204355233	Bùi Thị Tổ Chi	3/29/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT13	7.7	3.0	Không Đạt	
42	28208004094	Lê Thị Kim Chi	7/13/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT7	5.3	4.5	Không Đạt	
43	28203541399	Lê Thị Linh Chi	11/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC6	6.7	7.3	Đạt	
44	25207102658	Nguyễn Kim Chi	6/15/2001	Bình Định	Nữ	Kinh	28CBN5	8.7	5.0	Đạt	
45	27213836771	Nguyễn Quỳnh Chi	10/5/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN12	8.3	5.3	Đạt	
46	28204354936	Nguyễn Thị Kim Chi	4/10/2004	Hà Tây	Nữ	Kinh	31THT13	9.3	6.8	Đạt	
47	30218045947	Trần Thị Út Chi	6/11/2006	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT6	8.0	5.0	Đạt	
48	28212320014	Cái Viết Cung	5/18/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC11	8.7	5.0	Đạt	
49	28214637683	Ông Văn Cường	2/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT7	6.0	6.3	Đạt	
50	27206300254	Lê Phạm Chiêu Đan	9/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	6.3	3.3	Không Đạt	
51	29214623028	Nguyễn Đức Duy Đan	11/2/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC6	6.7	3.5	Không Đạt	
52	27213143811	Trần Đặng Hoàn Đan	7/17/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CBN3	7.0	5.0	Đạt	
53	28214321573	Trần Trương Dâng	9/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN7	9.0	8.5	Đạt	
54	28218023058	Đỗ Thanh Danh	5/12/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	10.0	6.0	Đạt	
55	29203450296	Nguyễn Thị Thành Danh	7/7/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN4	5.7	5.0	Đạt	
56	28216602284	Huỳnh Kim Bảo Đạt	3/23/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	7.3	9.0	Đạt	
57	28212352728	Nguyễn Thành Đạt	4/16/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC7	8.7	6.5	Đạt	
58	28217204684	Nguyễn Văn Tuấn Đạt	5/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	5.0	5.3	Đạt	
59	28214552805	Nguyễn Việt Quốc Đạt	8/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	8.7	8.0	Đạt	
60	28212303978	Phạm Văn Thành Đạt	7/22/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31THT12	8.3	7.3	Đạt	
61	28214200772	Trần Quang Quốc Đạt	8/29/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31SBN7	9.3	10.0	Đạt	
62	28212300010	Trịnh Hồ Tiến Đạt	7/11/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC11	9.3	9.0	Đạt	
63	28204402691	Bùi Thị Kiều Diễm	4/12/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	7.3	3.8	Không Đạt	
64	28208135643	Đặng Thị Diễm	10/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	9.3	5.5	Đạt	
65	28214639639	Văn Thị Thúy Diễm	8/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	8.3	6.0	Đạt	
66	27202934693	Lương Thị Diệp	12/19/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN2	5.0	5.0	Đạt	
67	28218004024	Trần Quang Diệp	4/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	9.3	6.8	Đạt	
68	28204946263	Nguyễn Thị Diệp	4/3/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC7	7.0	4.0	Không Đạt	
69	28206602051	Lê Thị Huyền Diệu	6/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	7.0	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
70	28204601749	Nguyễn Thị Bích Diệu	7/9/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	9.3	5.0	Đạt	
71	28207100186	Phan Vũ Đình Đình	2/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN3	ĐC	ĐC	Đình chỉ	Đình chỉ thi
72	27212243259	Mai Tấn Đôn	10/18/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31SSC4	10.0	5.0	Đạt	
73	28212335420	Bùi Văn Đức	2/13/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CSC7	8.0	6.8	Đạt	
74	28216654855	Ngô Nhật Anh Đức	1/11/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	31CBN8	8.0	8.0	Đạt	
75	28212200950	Nguyễn Văn Đức	3/15/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT7	7.3	6.0	Đạt	
76	28212301345	Phạm Trung Đức	12/22/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CHT7	9.3	6.5	Đạt	
77	28206504631	Hồ Thị Mỹ Dung	7/17/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC6	9.0	10.0	Đạt	
78	28209328011	Nguyễn Thị Mỹ Dung	9/5/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT9	7.7	4.3	Không Đạt	
79	28208149389	Nguyễn Thùy Dung	4/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	6.3	6.5	Đạt	
80	28209305565	Nguyễn Võ Phương Dung	10/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC12	9.3	5.8	Đạt	
81	28206522951	Phạm Thị Mỹ Dung	2/21/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC11	10.0	2.3	Không Đạt	
82	28215150160	Nguyễn Tấn Dũng	9/20/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC12	8.7	8.5	Đạt	
83	27206301535	Đinh Thị Thùy Dương	10/13/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT8	4.3	5.0	Không Đạt	
84	28206504400	Nguyễn Thị Thùy Dương	3/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT12	7.0	5.0	Đạt	
85	28204601060	Nguyễn Thùy Dương	11/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	V	V	Vắng thi	
86	28208101754	Phạm Thị Thùy Dương	7/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	9.0	5.1	Đạt	
87	27213728635	Trần Quý Dương	3/29/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30CHT9	5.3	4.3	Không Đạt	
88	28206201279	Tường Thị Ngọc Dương	1/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	9.3	9.5	Đạt	
89	28218105696	Lê Hoàng Duy	6/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC6	6.0	1.8	Không Đạt	
90	29213123500	Lê Minh Duy	1/20/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC8	7.3	3.8	Không Đạt	
91	28206501876	Huỳnh Thị Ly Duyên	7/23/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	9.3	5.3	Đạt	
92	28208153477	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	3/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	9.7	9.5	Đạt	
93	28204953013	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	6/4/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC7	8.7	6.5	Đạt	
94	28204549724	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1/18/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	7.0	5.8	Đạt	
95	27203945412	Nguyễn Thị Phương Duyên	8/15/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TBN2	V	V	Vắng thi	
96	28208103584	Phạm Thị Mỹ Duyên	10/9/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC6	9.0	4.0	Không Đạt	
97	28206702044	Trần Thị Mỹ Duyên	8/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC11	9.0	5.5	Đạt	
98	29204950766	Trương Thị Lan Duyên	9/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	9.0	5.5	Đạt	
99	27202133649	Ngô Thị Giang	9/16/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30CYC4	5.3	4.0	Không Đạt	
100	29204455077	Nguyễn Khánh Giang	5/15/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	7.3	8.0	Đạt	
101	28204322931	Nguyễn Phan Thị Trà Giang	11/23/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
102	28214552879	Nguyễn Trường Giang	11/9/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SYC6	9.7	5.5	Đạt	
103	28208103828	Trần Quỳnh Giang	7/20/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC6	8.3	5.3	Đạt	
104	26205333752	Cao Văn Hà	11/19/2002	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	7.3	Đạt	
105	27202443530	Mang Thị Ngọc Hà	1/2/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT6	5.3	5.0	Đạt	
106	28212349392	Mỵ Duy Hà	5/29/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	5.7	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
107	27212253330	Nguyễn Việt Hà	11/15/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30CBN9	-	V	Vắng thi	
108	28206542514	Trần Thị Thu Hà	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	6.3	5.1	Đạt	
109	28206506855	Trương Thị Mỹ Hà	7/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT12	8.3	3.0	Không Đạt	
110	27218227851	Võ Hoàng Hà	10/20/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC8	9.0	5.0	Đạt	
111	28205202792	Ngô Lê Nhật Hạ	6/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC8	7.3	5.0	Đạt	
112	28214600618	Mai Ngọc Hải	10/15/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT12	8.0	5.0	Đạt	
113	28212349651	Nguyễn Đức Hải	3/19/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CSC7	9.0	7.0	Đạt	
114	28204648077	Phan Thị Ngọc Hải	4/2/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CHT7	9.0	7.5	Đạt	
115	28214606801	Tạ Minh Hải	4/29/2004	Thái Bình	Nam	Kinh	31SHT7	6.7	5.5	Đạt	
116	27213753351	Trịnh Ngọc Hải	1/18/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	30THT16	7.0	5.0	Đạt	
117	26202234731	Hoàng Bảo Hân	12/12/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN1	8.3	5.3	Đạt	
118	28204853934	Lê Trương Gia Hân	10/12/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN12	7.7	5.0	Đạt	
119	28208101004	Nguyễn Phạm Diệu Hân	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	8.7	5.0	Đạt	
120	28208151980	Phan Ngọc Xuân Hân	10/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	7.0	3.3	Không Đạt	
121	28208245578	Trần Kim Hân	1/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	8.0	8.0	Đạt	
122	30205056221	Trần Mai Hân	1/1/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC11	9.7	3.5	Không Đạt	
123	29204661599	Văn Khánh Hân	11/19/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CSC8	8.3	5.5	Đạt	
124	28204600536	Lã Thị Thanh Hằng	10/1/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT8	7.3	5.3	Đạt	
125	28202701662	Nguyễn Thị Thanh Hằng	7/25/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC12	8.7	7.5	Đạt	
126	28209446141	Nguyễn Thị Thanh Hằng	12/11/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC6	8.7	9.0	Đạt	
127	28204634390	Nguyễn Thị Thu Hằng	9/13/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN7	V	V	Vắng thi	
128	28204551168	Nguyễn Thị Thu Hằng	6/5/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN7	9.0	6.0	Đạt	
129	28204604790	Phan Thị Ngọc Hằng	4/5/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN13	5.0	3.5	Không Đạt	
130	28204605739	Trần Thu Hằng	1/3/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CYC6	9.0	5.8	Đạt	
131	28204639013	Trương Thị Thanh Hằng	2/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	8.0	5.0	Đạt	
132	29206524141	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	6/1/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	9.7	7.3	Đạt	
133	28218102568	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	5.3	6.0	Đạt	
134	28204647984	Phan Thị Hạnh	12/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	6.7	8.5	Đạt	
135	28204551452	Trương Thị Mỹ Hạnh	1/9/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31SHT7	9.7	10.0	Đạt	
136	28218000369	Phạm Ngọc Hào	2/25/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC12	5.3	3.6	Không Đạt	
137	27212154241	Kiều Văn Hậu	10/20/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30TBN3	9.3	5.0	Đạt	
138	28217538423	Ngô Duy Hậu	3/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	7.7	6.3	Đạt	
139	28217749263	Nguyễn Văn Hậu	1/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC5	5.3	5.0	Đạt	
140	27212102849	Quách Hải Hậu	1/4/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT8	8.3	9.3	Đạt	
141	28204549267	Võ Thị Hồng Hậu	4/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT7	9.7	5.3	Đạt	
142	28214600749	Trương Văn Hiền	1/17/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	6.3	5.0	Đạt	
143	29207239970	Mai Nguyễn Thu Hiền	2/25/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN12	8.7	7.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
144	28206702069	Mai Thu Hiền	5/7/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC12	7.3	5.0	Đạt	
145	28204951257	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	7/10/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TBN13	7.0	3.0	Không Đạt	
146	28209306287	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	1/3/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SHT7	9.7	7.3	Đạt	
147	29206739155	Phạm Thị Thu Hiền	3/16/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	8.7	6.0	Đạt	
148	28206232346	Trần Thị Diệu Hiền	5/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	9.0	7.8	Đạt	
149	28206534971	Trần Thu Hiền	6/28/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC6	5.7	3.3	Không Đạt	
150	28204636066	Võ Thu Hiền	2/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	8.0	6.3	Đạt	
151	28214640694	Ngô Thế Hiễn	12/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30CBN12	5.7	5.0	Đạt	
152	28214625489	Nguyễn Lê Hiệt	8/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC8	7.0	6.3	Đạt	
153	26217142328	Hoàng Minh Hiếu	6/27/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN11	5.7	5.4	Đạt	
154	27211734039	Lê Trung Hiếu	7/2/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CYC5	V	-	Vắng thi	
155	28212349722	Nguyễn Chí Hiếu	6/23/1999	Bình Định	Nam	Kinh	31CSC8	8.0	8.3	Đạt	
156	28217431670	Phan Thanh Hiếu	6/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC7	10.0	9.0	Đạt	
157	29214956914	Trần Ngọc Hiếu	10/4/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	31CHT6	8.7	6.0	Đạt	
158	28204306169	Trần Thị Ngọc Hiếu	3/7/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	8.0	6.0	Đạt	
159	26215335523	Trần Trung Hiếu	1/2/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC11	9.3	8.3	Đạt	
160	28214602719	Võ Công Hiếu	9/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TBN14	6.7	3.8	Không Đạt	
161	28204401029	Võ Thị Hiếu	9/7/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	5.5	Đạt	
162	28212336054	Đình Viêt Hiếu	2/4/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC12	9.7	4.0	Không Đạt	
163	27212237336	Huỳnh Bá Hiếu	1/22/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN5	V	V	Vắng thi	
164	28214425119	Võ Phước Hiếu	7/20/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT13	7.0	3.8	Không Đạt	
165	25211604950	Hàn Sỹ Hình	12/10/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN6	10.0	6.5	Đạt	
166	28206503520	Lê Thị Thanh Hoa	10/20/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC11	9.3	6.8	Đạt	
167	27204326157	Trần Lê Bích Hoa	3/25/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	V	V	Vắng thi	
168	28211334779	Nguyễn Thái Hòa	4/23/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN11	7.0	5.0	Đạt	
169	28205149987	Nguyễn Thị Thanh Hoài	11/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	5.3	5.0	Đạt	
170	28204551902	Nguyễn Thị Thu Hoài	3/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT7	9.7	7.0	Đạt	
171	29219323285	Nguyễn Huy Hoàng	10/1/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN13	9.7	5.5	Đạt	
172	28212302243	Phạm Duy Hoàng	7/12/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC7	7.3	5.5	Đạt	
173	28212300877	Phạm Văn Chí Hoàng	1/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC11	8.7	8.3	Đạt	
174	27218728304	Phan Văn Hoàng	3/12/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CSC8	10.0	7.0	Đạt	
175	29206520018	Đỗ Thị Hương Hoanh	6/30/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	7.3	5.0	Đạt	
176	27207100174	Nguyễn Thị Kim Hồng	8/1/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CBN3	7.3	5.0	Đạt	
177	28204652697	Nguyễn Thị Thu Hồng	1/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC8	9.3	8.8	Đạt	
178	29208162418	Nguyễn Võ Bích Hợp	4/21/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
179	28214953737	Hoàng Đình Hùng	3/5/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CHT8	V	V	Vắng thi	
180	28212751825	Trần Việt Hùng	9/18/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31SSC6	8.0	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
181	28212306404	Lê Phạm Việt Hưng	11/10/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC11	7.3	6.8	Đạt	
182	27215402433	Nguyễn Phước Thái Hưng	1/30/2003	Huế	Nam	Kinh	31CYC4	8.0	7.3	Đạt	
183	28206550385	Đinh Ngọc Minh Hương	8/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC5	5.3	4.0	Không Đạt	
184	28206105643	Đỗ Quỳnh Hương	2/20/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT5	8.3	5.3	Đạt	
185	28206501142	Đoàn Quỳnh Hương	7/12/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC12	10.0	7.0	Đạt	
186	28208240368	Hồ Thị Thu Hương	12/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC7	8.7	5.5	Đạt	
187	28204538619	Hồ Xuân Hương	4/16/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CHT8	8.0	5.8	Đạt	
188	28204625678	Huỳnh Thị Mỹ Hương	11/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	8.7	7.3	Đạt	
189	28208103958	Lê Ngô Quỳnh Hương	4/20/2004	Huế	Nữ	Kinh	31TYC11	9.3	10.0	Đạt	
190	28207101979	Nguyễn Ngọc Lan Hương	12/4/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31CYC7	V	V	Vắng thi	
191	26203835564	Võ Thị Lan Hương	10/9/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	29SBN3	6.0	3.3	Không Đạt	
192	28212304058	Cao Hữu Đan Huy	11/10/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC11	8.7	5.0	Đạt	
193	28213102908	Hà Xuân Huy	3/21/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT12	8.0	6.3	Đạt	
194	28212354709	Hồ Vũ Quang Huy	1/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN8	9.7	6.0	Đạt	
195	28216604045	Lê Trọng Huy	11/20/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC1	7.3	6.0	Đạt	
196	28218150818	Nguyễn Gia Huy	6/30/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	6.7	4.3	Không Đạt	
197	28212304135	Nguyễn Văn Huy	8/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC7	6.3	4.5	Không Đạt	
198	28215201377	Phan Xuân Huy	5/9/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC12	3.3	7.5	Không Đạt	
199	28216301344	Trần Gia Huy	2/14/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN12	V	V	Vắng thi	
200	28214550435	Trần Nhật Huy	7/16/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT7	6.7	3.8	Không Đạt	
201	27202800585	Bùi Thị Huyền	3/13/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	30CHT1	6.3	2.5	Không Đạt	
202	29206720448	Đinh Thị Diệu Huyền	9/5/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT13	7.7	5.0	Đạt	
203	28206237453	Lê Khánh Huyền	5/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	8.3	6.0	Đạt	
204	28204936517	Lê Phạm Thanh Huyền	1/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	10.0	7.9	Đạt	
205	28208034773	Lê Thị Thanh Huyền	10/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	9.7	4.3	Không Đạt	
206	27203001346	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	4/9/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30CHT7	7.7	5.0	Đạt	
207	28206504793	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/26/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC1	9.7	5.3	Đạt	
208	28204533472	Nguyễn Thị Thu Huyền	4/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN7	7.3	4.0	Không Đạt	
209	28204600516	Phạm Thị Bích Huyền	5/25/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN12	8.7	5.9	Đạt	
210	29205241164	Phan Mạnh Kim Huyền	11/18/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC10	6.3	5.0	Đạt	
211	28204901994	Phan Phương Huyền	7/19/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC8	8.0	9.3	Đạt	
212	28204506636	Trần Thị Khánh Huyền	3/6/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC12	8.7	5.5	Đạt	
213	28208027850	Trần Thị Khánh Huyền	12/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC9	8.3	4.0	Không Đạt	
214	28212304616	Võ Đăng Kha	11/27/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC11	9.0	5.5	Đạt	
215	28219604274	Nguyễn Bảo Khang	3/21/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	7.7	5.0	Đạt	
216	28214638525	Trần Nguyên Khang	6/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC12	4.3	0.0	Không Đạt	
217	27203727127	Trần Uyển Khanh	9/22/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC1	4.0	5.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
218	27214720590	Đặng Nam Khánh	5/14/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC7	6.7	7.0	Đạt	
219	28214603971	Ngô Phạm Quốc Khánh	9/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SSC5	8.3	3.8	Không Đạt	
220	28212354222	Nguyễn Ngọc Trường Khánh	9/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	8.3	8.1	Đạt	
221	27217201149	Trần Bảo Khánh	8/23/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30CBN12	-	V	Vắng thi	
222	27211344135	Võ Hữu Khánh	6/12/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC3	5.3	5.5	Đạt	
223	28218136340	Lương Văn Khoa	11/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	7.0	5.0	Đạt	
224	27212233480	Trần Công Khoa	9/23/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC7	7.3	6.8	Đạt	
225	27211549251	Nguyễn Duy Khuyên	2/6/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SBN7	8.7	3.8	Không Đạt	
226	28212253613	Trịnh Kiệm	5/8/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31SHT7	9.7	7.8	Đạt	
227	28208151419	Vì Thị Kiên	12/29/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CYC8	8.3	6.5	Đạt	
228	28212353238	Đoàn Đức Kiệt	3/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	8.3	8.0	Đạt	
229	28218200370	Nguyễn Lâm Gia Kiệt	7/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN8	9.7	8.0	Đạt	
230	28214300922	Phan Thanh Kiệt	12/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	6.3	4.0	Không Đạt	
231	28206704416	Dương Thị Mỹ Kiều	3/21/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	9.3	6.0	Đạt	
232	28208151714	Nguyễn Thị Thủy Kiều	5/14/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	8.0	3.5	Không Đạt	
233	28206501064	Nguyễn Thị Thủy Kiều	2/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT7	9.7	5.0	Đạt	
234	28204321624	Ngô Nguyễn Trúc Lam	10/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC11	8.3	5.0	Đạt	
235	28214552364	Lý Võ Lâm	8/24/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CBN7	8.3	5.5	Đạt	
236	27216644236	Phan Diệp Lâm	3/7/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31CHT8	8.3	5.0	Đạt	
237	28209505252	Nguyễn Thị Lâm	3/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC8	9.0	7.8	Đạt	
238	28204642344	Hồ Thị Hoa Lan	9/1/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31THT12	9.0	9.5	Đạt	
239	28208105513	Nguyễn Thị Phương Lan	8/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	9.3	5.0	Đạt	
240	28218131517	Nguyễn Hoàng Lân	5/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN13	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
241	28218001585	Vũ Tài Lân	1/4/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	31TSC10	8.3	5.0	Đạt	
242	28207104461	Trần Thị Lanh	12/25/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CYC7	8.3	3.5	Không Đạt	
243	27205241924	Đỗ Thị Bích Lệ	3/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN4	10.0	5.0	Đạt	
244	28208201156	Tổng Thị Mỹ Lệ	1/10/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC6	6.3	5.0	Đạt	
245	27202941771	Lê Thị Liên	8/6/2003	Kon Tum	Nữ	Kinh	30TBN2	8.3	5.3	Đạt	
246	28204606136	Lê Thị Quỳnh Liên	9/11/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN9	7.0	5.0	Đạt	
247	0703937643	Nguyễn Đoàn Thị Liên	9/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	4.3	2.6	Không Đạt	
248	28204322014	Phan Thị Thu Liên	9/2/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC11	9.7	7.3	Đạt	
249	29208155847	Đinh Ngọc Linh	7/30/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC11	8.3	2.8	Không Đạt	
250	28205147486	Lê Thị Ngọc Linh	10/1/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN7	7.3	4.0	Không Đạt	
251	27202201852	Ngô Thị Hoài Linh	9/17/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CBN7	7.3	6.8	Đạt	
252	28205136254	Nguyễn Hà Khánh Linh	4/15/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC9	10.0	5.0	Đạt	
253	28206502144	Nguyễn Thị Khánh Linh	8/1/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC6	7.0	5.0	Đạt	
254	27202244270	Nguyễn Thị Mỹ Linh	3/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	6.0	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
255	28206551507	Nguyễn Thị Phương Linh	1/27/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC12	10.0	9.5	Đạt	
256	28204650659	Nguyễn Thị Thùy Linh	7/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN13	8.3	4.4	Không Đạt	
257	28208105772	Nguyễn Thị Thùy Linh	9/6/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN12	8.0	5.3	Đạt	
258	28204349843	Nguyễn Thị Thùy Linh	4/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT12	9.7	2.5	Không Đạt	
259	28204352376	Phạm Thị Thảo Linh	2/16/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN4	6.7	5.0	Đạt	
260	28213152948	Phan Công Linh	9/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT12	9.7	5.5	Đạt	
261	28206126863	Phan Hoàng Tú Linh	10/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	7.3	4.4	Không Đạt	
262	28213454072	Trần Tấn Linh	7/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC10	6.7	4.5	Không Đạt	
263	28204452610	Trần Thị Thùy Linh	4/19/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	9.0	Đạt	
264	28206204952	Trần Thùy Linh	10/19/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN10	8.7	4.3	Không Đạt	
265	30204826605	Văn Nguyễn Thảo Linh	9/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	9.0	6.0	Đạt	
266	28212303547	Nguyễn Văn Linh	7/23/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT12	9.0	9.0	Đạt	
267	28204802961	Phạm Thị Thu Loan	10/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	V	V	Vắng thi	
268	28218045425	Mai Hoàng Lộc	3/31/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC10	7.0	5.0	Đạt	
269	28212404180	Hồ Nguyễn Tiến Lợi	6/25/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC10	5.7	4.5	Không Đạt	
270	28213104088	Nguyễn Thành Long	1/16/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT12	8.7	5.5	Đạt	
271	28212306398	Trần Đức Long	12/16/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC9	9.7	5.0	Đạt	
272	28213103385	Nguyễn Duy Luân	2/29/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31THT12	9.0	5.0	Đạt	
273	28206500883	Võ Thị Gia Lưu	10/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT2	7.0	6.0	Đạt	
274	27202140103	Bùi Thị Kim Ly	11/13/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TBN2	5.3	5.0	Đạt	
275	28204550052	Đào Bích Ly	12/9/2003	Huế	Nữ	Kinh	31SBN7	7.7	4.0	Không Đạt	
276	28204553309	Ngũ Lê Khánh Ly	8/17/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC12	9.7	6.0	Đạt	
277	28205205446	Nguyễn Ngọc Dạ Ly	6/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	7.0	3.6	Không Đạt	
278	26207131828	Nguyễn Thị Ly	3/12/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	29CBN4	4.7	3.8	Không Đạt	
279	28204802586	Nguyễn Thị Bích Ly	11/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC12	9.7	7.5	Đạt	
280	28207247210	Nguyễn Thị Diễm Ly	6/17/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC6	7.7	5.8	Đạt	
281	28204303333	Nguyễn Thị Dịu Ly	1/1/2004	Huế	Nữ	Kinh	31TBN13	5.7	5.0	Đạt	
282	28205153649	Nguyễn Thị Lý	12/27/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CSC7	7.3	8.8	Đạt	
283	28218100768	Huỳnh Nguyễn Khánh Mai	10/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	7.0	3.4	Không Đạt	
284	27204830719	Nguyễn Lệ Hiền Mai	3/23/2003	Buôn Ma Thuột	Nữ	Kinh	30TBN11	7.7	6.5	Đạt	
285	28204306393	Phan Thị Tuyết Mai	11/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CSC8	9.3	9.5	Đạt	
286	29204627597	Trần Xuân Mai	2/10/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN7	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
287	28204900336	Trương Thị Trà Mi	1/5/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	9.0	8.5	Đạt	
288	29214659015	Hà Công Minh	1/6/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN13	V	V	Vắng thi	
289	28212349908	Hoàng Lê Minh	6/22/2004	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31TYC11	7.0	6.3	Đạt	
290	27214142191	Lê Ngọc Minh	1/10/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31SSC6	8.0	5.6	Đạt	
291	29206221348	H Phon Miô	1/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31TBN13	10.0	4.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
292	28206600309	Vũ Thị Thanh Mơ	4/15/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN7	8.3	7.5	Đạt	
293	28208201878	Đặng Thị My My	2/21/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC6	9.7	6.8	Đạt	
294	28204939470	Dương Hà My	11/1/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC8	6.3	5.5	Đạt	
295	29206223278	Lê Ngọc Thảo My	10/30/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT12	8.7	6.0	Đạt	
296	28207505095	Lê Thị Thanh My	5/7/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC11	8.3	6.3	Đạt	
297	28207102728	Lê Trần Huyền My	1/1/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TBN13	5.3	3.8	Không Đạt	
298	28204822751	Nguyễn Hạ My	11/18/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	8.7	8.8	Đạt	
299	28205106739	Nguyễn Kiều Diễm My	3/15/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC12	8.7	5.0	Đạt	
300	29207264104	Nguyễn Thị Trà My	4/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	8.7	9.5	Đạt	
301	29204659507	Nguyễn Thị Xuân My	10/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT10	8.7	5.3	Đạt	
302	27203124773	Trần Bùi Trà My	1/17/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	29CBN4	7.3	2.5	Không Đạt	
303	29206254332	Trần Thị Trà My	5/1/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN13	8.3	4.4	Không Đạt	
304	28204651620	Võ Thị Diễm My	4/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	8.3	5.0	Đạt	
305	28208103017	Dương Thị Ngọc Mỹ	1/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT13	V	V	Vắng thi	
306	28206500535	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	7/22/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC11	9.3	2.8	Không Đạt	
307	29207363693	Lê Na	6/5/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC11	V	V	Vắng thi	
308	28204533783	Võ An Na	7/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	7.3	6.5	Đạt	
309	28213100669	Đoàn Mạnh Thanh Nam	6/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT12	10.0	9.9	Đạt	
310	27207100408	Lê Thanh Nga	3/18/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	30TSC11	6.7	3.5	Không Đạt	
311	28204600701	Lê Thị Bích Nga	12/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN7	10.0	5.9	Đạt	
312	28207105121	Nguyễn Thị Thanh Nga	1/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN13	8.7	4.0	Không Đạt	
313	28205236715	Nguyễn Thị Tố Nga	7/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC1	6.7	2.8	Không Đạt	
314	28206549097	Trịnh Thị Thúy Nga	7/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN5	9.0	6.5	Đạt	
315	28216543813	Hồ Thị Thu Ngân	8/12/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	9.3	6.4	Đạt	
316	28208040213	Hoàng Kim Ngân	9/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT7	5.7	5.5	Đạt	
317	28204953969	Huỳnh Phúc Ngân	1/13/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	29CBN6	9.0	5.0	Đạt	
318	28202705204	Lê Thảo Ngân	4/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC12	8.3	5.0	Đạt	
319	28204653281	Lưu Thị Kim Ngân	5/18/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT12	10.0	9.3	Đạt	
320	28209406385	Nguyễn Kim Ngân	1/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT13	7.0	4.3	Không Đạt	
321	28208054729	Nguyễn Thị Việt Ngân	2/9/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SYC6	8.0	5.0	Đạt	
322	28204606674	Trần Kỳ Khánh Ngân	9/22/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC8	7.0	5.3	Đạt	
323	28204103463	Trần Tích Ngân	7/19/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	7.7	5.0	Đạt	
324	28208027475	Võ Trần Phúc Ngân	7/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	8.7	4.1	Không Đạt	
325	28214638371	Hồ Tấn Nghĩa	5/16/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT8	8.7	5.5	Đạt	
326	26215339310	Trương Quang Anh Nghĩa	7/10/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC11	8.3	9.3	Đạt	
327	27212201532	Võ Như Nghĩa	11/22/2003	Hà Tây	Nam	Kinh	31TSC11	9.7	6.5	Đạt	
328	28212301061	Hoàng Duy Ngọc	12/7/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT12	8.7	6.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
329	28205203006	Ksor Nguyễn Bảo Ngọc	10/9/2004	Gia Lai	Nữ	Jrai	31CYC7	9.3	5.0	Đạt	
330	29204955744	Lê Thị Phương Ngọc	12/8/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC11	10.0	5.0	Đạt	
331	28208029156	Nguyễn Thị Bích Ngọc	4/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	9.0	6.0	Đạt	
332	28204304990	Phan Lê Bảo Ngọc	3/18/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT13	7.7	9.3	Đạt	
333	28204405245	Trần Thị Bích Ngọc	4/14/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC6	5.0	4.0	Không Đạt	
334	28204605843	Trần Thị Mỹ Ngọc	10/6/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CYC6	8.7	6.0	Đạt	
335	28205140602	Vô Bích Ngọc	11/9/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN4	7.3	5.0	Đạt	
336	28204100712	Nguyễn Hoàng Nhật Nguyên	10/14/2004	Huế	Nữ	Kinh	31SBN7	7.3	5.8	Đạt	
337	29206552475	Nguyễn Thảo Nguyên	7/23/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	10.0	Đạt	
338	28204320947	Nguyễn Thị Kim Nguyên	9/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN7	10.0	5.8	Đạt	
339	28204322650	Phạm Thị Nguyên	11/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	9.7	6.3	Đạt	
340	28206653492	Trần Thị Mỹ Nguyên	12/8/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC7	10.0	7.5	Đạt	
341	28206929749	Vô Đăng Kim Nguyên	11/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC12	9.7	5.5	Đạt	
342	28204154940	Vô Thị Thu Nguyên	10/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	7.0	9.0	Đạt	
343	28216251206	Vô Trung Nguyên	7/6/2004	Ninh Thuận	Nam	Kinh	31SHT7	7.7	2.3	Không Đạt	
344	28208204821	Trần Hồ Thiên Nguyên	9/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	10.0	7.8	Đạt	
345	28204302856	Lê Hoàng Minh Nguyệt	6/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	9.3	5.5	Đạt	
346	26207231088	Lê Thị Thanh Nhân	7/26/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC5	9.7	8.5	Đạt	
347	27202237121	Trần Thị Thanh Nhân	2/23/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC12	10.0	10.0	Đạt	
348	27217001767	Hồ Hữu Nhân	4/20/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CHT8	3.7	5.5	Không Đạt	
349	28214603395	Lê Ích Nhân	8/3/2004	Huế	Nam	Kinh	31TBN13	5.0	2.5	Không Đạt	
350	28214106734	Trần Đình Bảo Nhân	8/11/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SBN7	9.0	6.8	Đạt	
351	25217104193	Trần Kim Nhân	10/10/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30CYC2	8.0	6.0	Đạt	
352	28214329736	Trần Việt Nhân	3/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT12	10.0	6.6	Đạt	
353	28214550663	Trần Phước Nhất	9/29/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC11	8.7	5.8	Đạt	
354	28212302720	Nguyễn Đức Nhật	9/17/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CYC8	6.3	5.0	Đạt	
355	28218143216	Phạm Đình Nhật	4/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
356	28206653699	Đỗ Quỳnh Nhi	9/30/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN5	9.7	7.4	Đạt	
357	28208106349	Lê Ngọc Ý Nhi	8/15/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC11	7.7	6.8	Đạt	
358	28204303353	Lê Nguyễn Phương Nhi	9/27/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31CSC8	8.7	5.5	Đạt	
359	28204444682	Lê Thanh Uyên Nhi	7/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC8	V	V	Vắng thi	
360	28206506025	Lê Thị Cẩm Nhi	5/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT12	9.7	7.0	Đạt	
361	30206553761	Lê Thị Uyên Nhi	10/15/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT6	6.0	5.0	Đạt	
362	28204804855	Lê Thị Yến Nhi	3/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT9	5.3	5.0	Đạt	
363	28204602765	Nguyễn Ngọc Nhi	7/23/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC6	4.7	5.5	Không Đạt	
364	28208239594	Nguyễn Thị Bích Nhi	12/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30SHT3	6.0	4.5	Không Đạt	
365	28204603963	Nguyễn Thị Hoài Nhi	5/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.3	7.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
366	28204304168	Nguyễn Thị Hồng Nhi	2/7/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT5	6.7	3.5	Không Đạt	
367	28208005760	Nguyễn Thị Phương Nhi	2/4/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC6	8.0	5.3	Đạt	
368	29206544657	Nguyễn Thị Yến Nhi	9/7/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC9	8.0	5.0	Đạt	
369	28204900788	Nguyễn Thị Yến Nhi	3/27/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN7	9.3	3.3	Không Đạt	
370	28206604259	Nguyễn Trương Yến Nhi	10/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	9.0	5.0	Đạt	
371	28208027141	Phạm Hồng Thảo Nhi	10/8/2004	Đồng Nai	Nữ	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
372	28205120449	Phạm Yến Nhi	8/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN7	5.3	5.3	Đạt	
373	28204650730	Phan Hoàng Hà Nhi	11/8/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
374	28206501031	Tạ Thị Yến Nhi	10/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	8.3	5.0	Đạt	
375	28206602070	Trần Nguyễn Bảo Nhi	5/22/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CSC8	8.7	5.0	Đạt	
376	28208022928	Trần Thị Yến Nhi	4/3/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT13	7.7	5.0	Đạt	
377	27202134279	Trần Yến Nhi	10/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN2	7.3	7.5	Đạt	
378	28208037364	Trương Thị Hoàng Nhi	8/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC9	8.7	5.9	Đạt	
379	28204501023	Trương Thị Quỳnh Nhi	10/20/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31SHT7	9.0	6.8	Đạt	
380	28204641497	Trương Thị Xuân Nhi	1/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	8.7	7.0	Đạt	
381	27211343860	Phạm Trần Thanh Nhiên	9/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT8	9.0	7.0	Đạt	
382	28206504109	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như	8/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	5.7	4.3	Không Đạt	
383	28204131271	Lê Phạm Quỳnh Như	9/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT6	5.3	3.6	Không Đạt	
384	28207103650	Lê Vô Tâm Như	11/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN3	-	V	Vắng thi	
385	28204503365	Ngô Thị Quỳnh Như	9/9/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CYC8	9.0	5.8	Đạt	
386	28204505623	Phạm Lê Quỳnh Như	2/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT7	9.0	7.5	Đạt	
387	28208005201	Phan Nguyễn Quỳnh Như	4/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC6	6.0	2.3	Không Đạt	
388	29204634908	Thượng Tô Mỹ Như	9/18/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC6	7.3	5.5	Đạt	
389	29206559246	Trần Hồ Trung Như	11/6/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT12	9.3	5.3	Đạt	
390	28207135923	Trần Thị Hồng Như	9/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN3	-	V	Vắng thi	
391	28206551984	Trần Thị Quỳnh Như	3/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT12	8.0	5.3	Đạt	
392	28208106106	Trần Thị Ý Như	10/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	6.0	5.0	Đạt	
393	28204651723	Đỗ Thị Tuyết Nhung	9/22/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC12	9.0	8.3	Đạt	
394	28207100605	Lê Nguyễn Hồng Nhung	7/8/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN3	7.0	5.5	Đạt	
395	28206502607	Lương Thị Kim Nhung	11/13/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	30SYC4	7.3	4.0	Không Đạt	
396	28202704925	Nguyễn Thị Nhung	10/20/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CBN6	8.7	5.5	Đạt	
397	28204653533	Nguyễn Thị Phi Nhung	9/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CSC8	5.3	6.5	Đạt	
398	28208105827	Văn Thị Kim Nhung	9/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	7.0	6.0	Đạt	
399	27211348932	Vô Văn Nhựt	5/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	9.7	5.5	Đạt	
400	28204934447	Đặng Thị Kiều Oanh	10/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC8	7.7	5.5	Đạt	
401	28204902443	Lê Thị Thúy Oanh	6/27/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC7	4.7	5.3	Không Đạt	
402	25203308368	Trần Thị Kiều Oanh	8/30/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	27TBN9	8.3	3.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
403	27212253748	Trương Mai Oanh	10/22/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC10	5.3	3.6	Không Đạt	
404	28206702742	Võ Phạm Kiều Oanh	7/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN7	8.3	5.0	Đạt	
405	28208101682	Dương Thị Hồng Phấn	3/10/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN13	7.0	4.3	Không Đạt	
406	28214505828	Mai Thành Phát	8/17/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	3.7	4.3	Không Đạt	
407	28212303458	Nguyễn Phạm Hoàng Phát	12/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	V	V	Vắng thi	
408	28206822076	Đỗ Quý Phi	2/24/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN12	8.7	5.6	Đạt	
409	28208004696	Phạm Thị Mai Phi	10/27/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC12	9.3	5.8	Đạt	
410	28218143292	Trịnh Kỳ Phong	6/28/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN7	8.7	5.3	Đạt	
411	28214331860	Đinh Văn Tấn Phúc	9/17/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC7	7.7	5.5	Đạt	
412	28206550581	Đoàn Thị Phúc	9/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TSC7	9.3	4.0	Không Đạt	
413	28212549675	Hoàng Minh Phúc	12/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN7	9.0	5.0	Đạt	
414	29206522436	Lê Thị Hà Phúc	8/18/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT13	9.3	5.0	Đạt	
415	27211342202	Nguyễn Trung Phúc	9/26/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SSC6	V	V	Vắng thi	
416	28214551704	Nguyễn Văn Phúc	4/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN7	7.3	6.0	Đạt	
417	29215124475	Phạm Xuân Phúc	8/1/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT8	9.7	5.3	Đạt	
418	28214301047	Trần Đình Phúc	6/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN7	9.7	6.0	Đạt	
419	28214523704	Trần Hồng Phúc	10/18/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC11	8.7	5.5	Đạt	
420	28218102264	Trần Trọng Phúc	5/14/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN10	V	-	Vắng thi	
421	28212305725	Trương Hoàng Phúc	3/25/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN12	6.3	5.8	Đạt	
422	29206660699	Đặng Thị Diễm Phương	1/1/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	V	V	Vắng thi	
423	29205059841	Lê Hoài Anh Phương	11/23/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC7	7.7	7.3	Đạt	
424	28205128372	Nguyễn Hà Phương	3/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.7	9.5	Đạt	
425	29204139811	Nguyễn Thị Minh Phương	2/17/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC6	9.7	9.5	Đạt	
426	28206246675	Phạm Thị Phương	3/24/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	31TYC11	6.7	5.0	Đạt	
427	27206628703	Vũ Thị Minh Phương	6/12/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	31THT3	6.7	5.5	Đạt	
428	28208141275	Bùi Lê Thảo Phương	5/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	8.7	5.0	Đạt	
429	28206605426	Đỗ Nguyễn Đan Phương	9/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT7	8.7	5.8	Đạt	
430	28206551718	Trần Thị Kim Phương	11/19/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT7	8.7	4.0	Không Đạt	
431	28206649046	Ya Ly Phương	4/20/2004	Kon Tum	Nữ	Bana	31TYC6	8.7	2.9	Không Đạt	
432	28218130469	Đinh Gia Quân	11/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT11	5.7	3.8	Không Đạt	
433	28214642420	Đoàn Minh Quân	6/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT13	8.7	5.1	Đạt	
434	28214600560	Lê Đình Minh Quân	11/5/2004	Huế	Nam	Kinh	31CSC8	7.7	9.0	Đạt	
435	28212305181	Nguyễn Đức Trung Quân	11/28/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC11	9.0	7.5	Đạt	
436	28212701395	Phan Văn Quân	5/22/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN10	7.7	5.0	Đạt	
437	28214643772	Vô Anh Quân	3/30/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31THT13	10.0	8.8	Đạt	
438	25211101706	Phạm Đăng Quang	12/8/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	30CHT3	6.3	3.3	Không Đạt	
439	28216235101	Phùng Việt Quang	6/29/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC6	V	V	Vắng thi	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
440	28214336780	Lê Phước Ngọc Qui	3/5/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC8	9.3	5.8	Đạt	
441	28214649543	Hoàng Văn Bảo Quốc	2/24/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CBN7	6.3	6.3	Đạt	
442	28212336519	Nguyễn Công Quý	9/7/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	8.7	5.3	Đạt	
443	27212202843	Tôn Thất Quý	10/19/2003	Huế	Nam	Kinh	31CSC6	6.0	5.8	Đạt	
444	28206750962	Lê Thị Lệ Quyên	12/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	8.3	6.0	Đạt	
445	27205227181	Trần Thảo Quyên	4/19/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN4	9.0	5.3	Đạt	
446	28206631910	Trần Thị Tố Quyên	10/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT7	8.3	5.3	Đạt	
447	28208002645	Võ Thị Lệ Quyên	8/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	0.0	0.0	Không Đạt	NG CB (HUY: 5.0; 1.8)
448	28204604412	Võ Thị Lệ Quyên	12/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	10.0	8.3	Đạt	
449	27216748935	Nguyễn Thanh Quyền	9/22/2003	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31CBN2	7.0	6.0	Đạt	
450	29212322912	Nguyễn Văn Quyền	4/24/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC8	7.0	5.0	Đạt	
451	28216806037	Trần Xuân Quyền	12/24/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT7	8.0	4.0	Không Đạt	
452	28212351346	Nguyễn Đăng Quyn	7/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	9.0	5.0	Đạt	
453	28204303102	Đinh Nguyễn Thy Quỳnh	1/7/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SBN7	9.3	6.0	Đạt	
454	28206548765	Đỗ Nguyễn Trúc Quỳnh	12/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	6.3	6.0	Đạt	
455	28204553545	Ngô Thị Như Quỳnh	10/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	9.0	7.0	Đạt	
456	29206725012	Nguyễn Duy Như Quỳnh	2/17/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT7	8.3	6.8	Đạt	
457	28204552465	Nguyễn Phạm Khánh Quỳnh	3/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	8.7	8.5	Đạt	
458	28204433803	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	10/22/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	8.7	5.0	Đạt	
459	28206254509	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	1/2/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31SSC6	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
460	28208101910	Nguyễn Thị Như Quỳnh	3/5/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT7	6.7	5.5	Đạt	
461	28208001719	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/14/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31THT13	6.7	5.4	Đạt	
462	28207249030	Nguyễn Thị Như Quỳnh	3/20/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT12	9.3	5.3	Đạt	
463	28204901451	Phan Nguyễn Ngọc Quỳnh	10/19/2004	Huế	Nữ	Kinh	31SHT6	8.0	5.5	Đạt	
464	28204141690	Vũ Thị Kim Quỳnh	10/8/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TBN12	9.3	8.5	Đạt	
465	28208003696	Phan Nguyễn Minh Sa	8/19/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	7.7	6.3	Đạt	
466	29212254589	Bùi Đông San	9/16/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	5.7	5.3	Đạt	
467	28218254388	Nguyễn Sáng	2/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	10.0	5.8	Đạt	
468	28214903826	Hà Phước Son	4/19/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT4	6.7	5.0	Đạt	
469	28212602406	Nguyễn Văn Son	11/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT12	8.7	4.4	Không Đạt	
470	28212945269	Tô Đình Son	8/10/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31THT12	9.7	9.0	Đạt	
471	28204900508	Trần Hoài Sương	5/20/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN13	8.7	3.5	Không Đạt	
472	28218045391	Lương Đức Tài	11/8/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC12	8.7	8.0	Đạt	
473	28217706788	Nguyễn Minh Tài	2/12/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31SYC5	7.3	3.6	Không Đạt	
474	28215106406	Nguyễn Song Tài	3/13/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC12	7.7	5.0	Đạt	
475	28204136446	Nguyễn Nhân Tâm	6/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	7.0	4.3	Không Đạt	
476	28204900816	Phạm Thị Minh Tâm	6/18/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	8.3	8.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
477	28204602035	Phạm Thị Thanh Tâm	2/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC11	7.0	5.3	Đạt	
478	28204600357	Phạm Thị Thủy Tâm	6/3/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT7	10.0	7.5	Đạt	
479	28206502758	Trần Đặng Thị Khánh Tâm	12/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC9	9.3	5.8	Đạt	
480	28208026109	Trần Nguyễn Thanh Tâm	9/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	9.0	4.1	Không Đạt	
481	28214741629	Trần Thiện Tâm	9/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT4	7.0	4.0	Không Đạt	
482	28212306628	Bùi Vạn Thiên Tân	6/23/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	3.7	5.0	Không Đạt	
483	27202223776	Nguyễn Thị Thành Tân	5/21/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TYC3	4.7	5.3	Không Đạt	
484	28204604395	Huỳnh Thị Hồng Thắm	1/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC8	9.0	5.5	Đạt	
485	28214648008	Nguyễn Thân	9/5/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31SHT7	V	3.0	Không Đạt	Bỏ thi KTC
486	28213780316	Nguyễn Đắc Thắng	10/21/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC11	8.3	8.3	Đạt	
487	28212300348	Nguyễn Tiến Thắng	1/3/2004	Hưng Yên	Nam	Kinh	31TYC11	9.7	9.5	Đạt	
488	27211502361	Nguyễn Văn Quốc Thắng	11/5/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	7.3	5.5	Đạt	
489	28212348065	Nguyễn Nhật Thành	7/22/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC12	9.3	6.0	Đạt	
490	28204605802	Trần Thị Mỹ Thành	8/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	8.3	6.0	Đạt	
491	28204602490	Đinh Thị Thu Thảo	8/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.3	8.8	Đạt	
492	28208053626	Dương Thị Minh Thảo	3/10/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31SSC5	5.7	5.0	Đạt	
493	27203349975	Hồ Thị Phương Thảo	9/9/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30SHT6	8.0	3.5	Không Đạt	
494	28208202235	Nguyễn Hà Thu Thảo	6/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	6.7	5.0	Đạt	
495	28206606140	Nguyễn Thạch Thảo	5/24/2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	31CSC7	9.7	8.8	Đạt	
496	28206502295	Nguyễn Thanh Thảo	9/20/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31THT10	5.0	5.5	Đạt	
497	28204301329	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC12	9.7	8.0	Đạt	
498	28208001901	Nguyễn Thị Phương Thảo	2/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	7.3	Đạt	
499	28206252562	Nguyễn Thị Phương Thảo	6/4/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT5	8.3	6.0	Đạt	
500	28206841890	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	7.0	5.0	Đạt	
501	29206565183	Nguyễn Thị Thu Thảo	7/10/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT13	7.7	5.5	Đạt	
502	26202218413	Nguyễn Thu Thảo	7/20/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT7	8.3	5.0	Đạt	
503	28212253672	Nguyễn Đức Thế	4/7/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN12	7.3	6.3	Đạt	
504	27205234591	Chế Trần Thi	8/13/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN4	7.7	5.8	Đạt	
505	28214101365	Nguyễn Đăng Thi	6/16/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC11	9.3	9.0	Đạt	
506	27204802168	Phan Thái Thiên Thiện	9/23/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC6	6.0	5.5	Đạt	
507	28208024671	Hoàng Thị Phước Thiện	1/21/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN7	5.0	3.9	Không Đạt	
508	27212125291	Hồ Thanh Thịnh	6/17/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	9.0	5.5	Đạt	
509	27211500755	Nguyễn Trường Thịnh	11/25/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN6	7.7	2.5	Không Đạt	
510	29218457241	Trịnh Quang Thịnh	12/30/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC4	7.7	5.5	Đạt	
511	28206747114	Hồ Anh Thơ	4/19/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC11	9.3	2.0	Không Đạt	
512	28212750109	Trần Duy Thoại	1/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC6	7.0	9.5	Đạt	
513	28204500299	Đoàn Thị Mỹ Thơm	4/19/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CHT8	9.7	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
514	28204606714	Dương Quỳnh Thư	2/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	9.7	9.5	Đạt	
515	28208031328	Dương Thị Ngọc Thư	10/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC5	6.0	5.0	Đạt	
516	27214200739	Hắc Minh Thư	4/15/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC6	6.0	4.0	Không Đạt	
517	28205102580	Lê Thị Anh Thư	5/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	7.7	9.8	Đạt	
518	28205245615	Nguyễn Anh Thư	5/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	7.0	3.5	Không Đạt	
519	28209405118	Nguyễn Anh Thư	1/5/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC11	7.7	5.3	Đạt	
520	28208103686	Nguyễn Thị Anh Thư	4/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN7	6.7	2.3	Không Đạt	
521	28206252621	Nguyễn Vũ Anh Thư	4/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC8	5.7	5.0	Đạt	
522	28204100320	Trương Anh Thư	9/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	9.7	9.5	Đạt	
523	28207103645	Nguyễn Phan Hiền Thục	11/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN13	0.0	0.0	Không Đạt	NG CB (HUY: 6.3; 1.0)
524	28204301503	Đỗ Thị Thu Thương	3/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC12	8.3	5.0	Đạt	
525	29206551025	Hồ Hoài Thương	9/19/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT13	8.7	5.5	Đạt	
526	27203129710	Hoàng Thị Hoài Thương	3/19/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	30TSC13	9.0	5.0	Đạt	
527	27205139314	Hoàng Thị Thương Thương	10/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TSC1	8.7	6.0	Đạt	
528	28213100853	Kiều Quang Thương	5/15/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	9.0	4.0	Không Đạt	
529	27207142032	Lê Thương Thương	7/12/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT3	5.7	3.5	Không Đạt	
530	28204746366	Ngô Thị Thương	5/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN3	5.7	5.0	Đạt	
531	28204305083	Nguyễn Thị Kiều Thương	3/23/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	8.7	6.3	Đạt	
532	28204749904	Nguyễn Thị Mai Thương	6/26/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	9.7	10.0	Đạt	
533	28208000084	Trần Thị Thu Thương	8/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	9.3	6.5	Đạt	
534	28208147015	Nguyễn Thị Diễm Thúy	11/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
535	28208152868	Nguyễn Thị Phương Thúy	4/26/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CYC8	10.0	6.1	Đạt	
536	27203121276	Nguyễn Thị Thu Thúy	10/15/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30THT12	7.7	5.0	Đạt	
537	28203500663	Trần Thị Thúy	9/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC9	7.0	6.0	Đạt	
538	28202702251	Trần Thị Hồng Thúy	12/18/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	5.0	Đạt	
539	28208127286	Trương Thị Thanh Thúy	2/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.0	6.8	Đạt	
540	28208100383	Trương Thị Thanh Thúy	8/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN13	8.7	5.3	Đạt	
541	28207103209	Vũ Thị Thu Thúy	5/26/2004	Bình Phước	Nữ	Kinh	31SYC6	6.7	5.0	Đạt	
542	28209401280	Lê Thị Thu Thủy	3/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CYC4	5.0	3.8	Không Đạt	
543	28209348409	Nguyễn Phạm Thu Thủy	6/4/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TSC11	7.0	6.3	Đạt	
544	28204353106	Nguyễn Thị Thanh Thủy	4/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC11	7.0	5.5	Đạt	
545	29206500118	Trần Thị Thủy	2/10/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT12	9.3	7.0	Đạt	
546	28204528135	Hoàng Ngọc Thủy Tiên	11/28/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CBN7	9.0	6.8	Đạt	
547	28204350021	Lê Thị Thủy Tiên	6/24/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SSC6	7.0	3.0	Không Đạt	
548	28216651424	Phan Thị Kim Tiên	5/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT8	6.0	8.8	Đạt	
549	29209548300	Trần Nguyễn Thúy Tiên	12/21/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CHT7	V	V	Vắng thi	
550	28204601464	Trần Tôn Thủy Tiên	6/21/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT8	9.7	8.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
551	28214402370	Đỗ Quốc Tiến	7/22/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31THT13	8.0	6.0	Đạt	
552	28219731142	Huỳnh Văn Tiến	7/29/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31SSC6	V	V	Vắng thi	
553	28214553603	Nguyễn Quang Tiến	5/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN7	9.3	6.0	Đạt	
554	28207151457	Lương Thị Thanh Tiễn	5/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	V	V	Vắng thi	
555	27202936124	Trần Thị Thanh Tiễn	7/26/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN2	7.3	2.5	Không Đạt	
556	28218151935	Phạm Quang Tiệp	11/13/2004	Hung Yên	Nam	Kinh	31SSC6	7.3	1.0	Không Đạt	
557	28218004318	Ngô Trọng Tín	12/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	7.7	5.0	Đạt	
558	28206853386	Hồ Thị Chon Tịnh	2/27/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT12	9.0	5.0	Đạt	
559	28212346137	Nguyễn Quốc Tịnh	1/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	6.3	5.8	Đạt	
560	27211327005	Trần Văn Toàn	2/7/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN12	8.0	5.3	Đạt	
561	28212301589	Võ Đức Toàn	1/22/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	8.0	8.3	Đạt	
562	27202120563	Nguyễn Hương Trà	8/22/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT7	V	V	Vắng thi	
563	28205102103	Nguyễn Minh Trâm	11/1/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN4	5.3	5.5	Đạt	
564	29204164487	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	12/20/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN12	9.7	6.1	Đạt	
565	28207103182	Nguyễn Thị Khánh Trâm	4/26/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC8	8.3	5.0	Đạt	
566	28206536910	Nguyễn Thị Thảo Trâm	7/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN12	9.0	7.0	Đạt	
567	28204904540	Tôn Nữ Thị Thùy Trâm	6/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	7.7	5.3	Đạt	
568	29209023554	Nguyễn Châu Ngọc Trâm	8/19/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC11	8.0	9.0	Đạt	
569	27207643283	Huỳnh Vũ Huyền Trân	11/7/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TSC11	8.3	8.3	Đạt	
570	28206201369	Lê Thị Thảo Trân	11/11/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CHT7	7.0	1.4	Không Đạt	
571	28208048257	Nguyễn Đỗ Ngọc Trân	1/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	6.3	3.4	Không Đạt	
572	28204504050	Cao Thị Vĩnh Hiền Trang	10/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	7.7	8.0	Đạt	
573	28204900254	Châu Ánh Trang	11/29/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC8	6.3	6.0	Đạt	
574	28208154662	Đinh Thị Thùy Trang	8/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN13	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
575	28204802948	Dương Nguyễn Thùy Trang	3/8/2004	Vũng Tàu	Nữ	Kinh	31CBN7	7.7	5.0	Đạt	
576	27203735758	Dương Thùy Trang	8/26/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TSC1	5.0	2.0	Không Đạt	
577	27204844505	Hoàng Thị Kiều Trang	5/19/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	30TYC9	7.0	5.8	Đạt	
578	28204933869	Lê Thị Trang	3/3/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CYC8	V	V	Vắng thi	
579	28204643774	Lê Thùy Trang	12/6/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT13	9.7	9.8	Đạt	
580	28206653681	Nguyễn Cao Minh Trang	7/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT7	8.3	5.3	Đạt	
581	28204850602	Nguyễn Lê Ngọc Trang	5/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC6	9.0	4.5	Không Đạt	
582	28205151635	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	5/6/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SBN7	5.3	4.0	Không Đạt	
583	29209443156	Nguyễn Thị Thu Trang	1/25/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN11	6.7	5.0	Đạt	
584	28204800824	Nguyễn Thị Thùy Trang	1/8/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN7	8.0	2.8	Không Đạt	
585	28204553604	Nguyễn Thị Thùy Trang	8/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT7	9.7	7.3	Đạt	
586	28207100598	Phan Thị Trang	5/8/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC5	7.7	5.0	Đạt	
587	28204354851	Phan Trần Linh Trang	4/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT12	9.7	9.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
588	29207254785	Trần An Hà Trang	11/15/2005	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	9.8	Đạt	
589	27204702109	Trần Thị Trang	5/2/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT7	10.0	7.5	Đạt	
590	28206725679	Trần Thị Thùy Trang	5/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	V	V	Vắng thi	
591	28208142242	Trần Thị Thùy Trang	1/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	7.0	6.3	Đạt	
592	27213353508	Trịnh Hương Trang	9/16/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30SHT6	5.3	0.8	Không Đạt	
593	28204904979	Võ Thị Thùy Trang	3/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	6.7	8.0	Đạt	
594	25218707822	Nguyễn Trí	10/22/2001	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT2	7.3	5.5	Đạt	
595	27217038969	Đỗ Phan Phú Trị	9/23/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	29CSC3	8.3	5.8	Đạt	
596	28204406130	Đặng Thị Mỹ Trinh	9/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	10.0	6.0	Đạt	
597	28206249629	Lê Kiều Trinh	5/12/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC12	8.0	3.6	Không Đạt	
598	28204551730	Lê Thị Mỹ Trinh	10/10/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31SHT7	10.0	7.3	Đạt	
599	28206703639	Nguyễn Ngọc Trinh	8/25/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC7	5.7	5.0	Đạt	
600	29206248194	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	9/21/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC7	8.3	9.5	Đạt	
601	28209424598	Phan Ngọc Kiều Trinh	6/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	6.0	5.9	Đạt	
602	28216704189	Tôn Thị Út Trinh	11/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN12	8.3	6.0	Đạt	
603	28204337623	Trần Thị Hoài Trinh	8/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT6	8.7	5.5	Đạt	
604	28208024752	Văn Thị Thục Trinh	6/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	7.3	6.0	Đạt	
605	28214353395	Văn Đức Trọng	10/8/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC8	6.0	5.5	Đạt	
606	29204556045	Bùi Lê Như Trúc	10/30/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	7.3	5.5	Đạt	
607	28202741911	Hồ Ngọc Thùy Trúc	11/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	7.3	5.5	Đạt	
608	28204505373	Lê Phương Trúc	1/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	7.0	8.5	Đạt	
609	28206746067	Nguyễn Thị Thanh Trúc	3/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT7	9.0	5.3	Đạt	
610	29206731814	Thái Thị Thanh Trúc	10/21/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC7	9.3	6.3	Đạt	
611	28216605989	Trần Gia Trúc	5/23/2004	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	31SBN7	8.7	6.0	Đạt	
612	28212306132	Trà Thanh Trung	7/23/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	8.3	7.0	Đạt	
613	28214605512	Trần Xuân Trung	7/30/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT8	10.0	9.5	Đạt	
614	29214361487	Võ Quốc Trung	5/13/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT13	8.0	2.8	Không Đạt	
615	28209424381	Nguyễn Thị Minh Trường	3/6/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31SYC6	8.7	6.0	Đạt	
616	27211301915	Nguyễn Văn Trường	1/24/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	6.3	5.3	Đạt	
617	28206503389	Hà Minh Tú	6/30/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	8.7	8.5	Đạt	
618	26203222725	Nguyễn Thị Thanh Tú	4/29/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30THT11	8.7	5.3	Đạt	
619	28214948209	Thái Tuấn Tú	11/5/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC12	10.0	8.0	Đạt	
620	28208106250	Võ Ngọc Cẩm Tú	10/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	9.7	5.0	Đạt	
621	27215439556	Lại Minh Tuấn	12/22/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CYC4	9.7	8.0	Đạt	
622	28212200122	Lê Huỳnh Anh Tuấn	11/19/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN12	5.7	9.5	Đạt	
623	28212353553	Lê Văn Tuấn	1/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC11	6.0	6.8	Đạt	
624	28212302227	Nguyễn Thanh Tuấn	10/27/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC11	9.3	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
625	28214651860	Võ Minh Tuấn	4/4/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT12	7.0	9.0	Đạt	
626	28212336919	Nguyễn Thanh Tùng	2/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	9.3	9.0	Đạt	
627	28206223310	Lê Nguyễn Ngọc Tuyền	1/14/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN7	9.3	4.3	Không Đạt	
628	28208202598	Phan Thị Thu Tuyền	8/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	V	V	Vắng thi	
629	28209445558	Trần Thị Phương Tuyền	5/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	10.0	5.8	Đạt	
630	28206206038	Hà Thị Ánh Tuyết	5/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	9.7	8.5	Đạt	
631	28218042877	Huỳnh Ngọc Tuyết	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	4.3	2.5	Không Đạt	
632	29206565552	Lê Thị Ty	2/10/1997	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN12	9.3	8.3	Đạt	
633	28206503671	Nguyễn Thị Mỹ Ty	7/24/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT7	8.3	5.5	Đạt	
634	28206105368	Đặng Nguyễn Ngọc Uyên	12/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	8.7	5.0	Đạt	
635	28205102163	Huỳnh Ái Phương Uyên	11/12/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC11	7.3	8.5	Đạt	
636	28209301244	Huỳnh Nhã Uyên	6/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN5	8.7	5.8	Đạt	
637	28204353465	Nguyễn Phương Uyên	9/30/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TYC12	7.0	7.5	Đạt	
638	31265280010	Nguyễn Thị Phương Uyên	4/28/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT12	9.7	5.5	Đạt	
639	27207221532	Nguyễn Thị Thanh Uyên	4/20/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC1	7.7	5.0	Đạt	
640	28208132099	Nguyễn Thị Thủy Phương Uyên	8/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	9.5	Đạt	
641	28208100046	Nguyễn Tú Uyên	9/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC10	7.0	5.0	Đạt	
642	27204335991	Tôn Nữ Tú Uyên	6/19/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC12	V	V	Vắng thi	
643	27203837388	Trần Lê Uyên	9/28/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT7	9.7	8.3	Đạt	
644	28205254427	Văn Đình Minh Uyên	7/16/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC3	8.0	5.3	Đạt	
645	28208004370	Nguyễn Lưu Thu Vân	2/4/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC12	8.7	5.5	Đạt	
646	28216500732	Nguyễn Kiều Thúy Vi	1/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT7	7.7	5.3	Đạt	
647	28204854947	Nguyễn Thị Tường Vi	6/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	10.0	5.0	Đạt	
648	28204600594	Phạm Tường Vi	11/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	V	V	Vắng thi	
649	28218100524	Lê Công Viên	7/10/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31SSC6	5.7	8.3	Đạt	
650	28206502363	Võ Phan Hồng Viên	9/28/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN12	9.0	6.3	Đạt	
651	28218122017	Nguyễn Trịnh Hoàng Việt	1/5/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT8	9.0	5.8	Đạt	
652	28216501401	Bùi Văn Vũ	10/30/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT7	8.3	6.0	Đạt	
653	28212135697	Hoàng Dương Vũ	1/15/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TYC10	7.3	5.0	Đạt	
654	28218145697	Hứa Văn Hoàng Vũ	6/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN7	6.3	4.0	Không Đạt	
655	28214650521	Lê Vũ	11/17/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT13	7.7	3.8	Không Đạt	
656	28211304550	Lê Nhân Vũ	10/9/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC8	8.0	5.3	Đạt	
657	28214603468	Trần Long Vũ	10/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT8	9.3	7.8	Đạt	
658	28204500278	Đinh Ngọc Tường Vy	1/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	9.3	8.5	Đạt	
659	28204828768	Đỗ Nguyễn Thảo Vy	11/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	10.0	9.3	Đạt	
660	28208027313	Hoàng Thị Bích Vy	1/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	7.7	8.0	Đạt	
661	28204904900	Hồng Vy	7/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC8	9.7	9.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
662	28206604295	Lưu Khánh Vy	12/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Hán	31TYC6	5.0	3.5	Không Đạt	
663	28209339287	Nguyễn Thị Hoàng Vy	3/22/2004	Đà Lạt	Nữ	Kinh	31TYC11	7.7	8.3	Đạt	
664	27203353106	Nguyễn Thị Thảo Vy	10/16/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	9.0	5.0	Đạt	
665	27202241855	Nguyễn Tổng Tường Vy	11/28/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CBN3	7.7	5.0	Đạt	
666	28204622484	Trần Nguyễn Ý Vy	1/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	V	V	Vắng thi	
667	28204951880	Trương Thị Kiều Vy	9/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC8	6.0	5.0	Đạt	
668	28214600713	Nguyễn Gia Vỹ	4/1/2002	Kon Tum	Nam	Kinh	31CBN7	V	V	Vắng thi	
669	27216102079	Trần Đăng Vỹ	5/26/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN2	5.0	6.5	Đạt	
670	28208122368	Từ Thị Mỹ Xoan	2/27/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC11	9.7	6.0	Đạt	
671	28204900866	Nguyễn Thị Như Ý	7/21/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31THT13	9.0	3.3	Không Đạt	
672	26203100558	Trịnh Hoài Như Ý	6/7/2002	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT6	6.0	5.3	Đạt	
673	0396304831	Bùi Thị Yên	3/4/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN13	8.0	5.0	Đạt	
674	28208205571	Đàm Vương Nguyệt Yên	1/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	9.7	9.5	Đạt	
675	28204652430	Tô Thị Mỹ Yên	4/10/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	9.5	Đạt	
676	28204453151	Trần Tinh Yên	11/11/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31CSC8	9.3	8.0	Đạt	
677	27202100300	Đoàn Thị Mỹ Yên	5/10/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30TYC10	-	V	Vắng thi	
678	28208004333	Lê Thị Hồng Yên	10/30/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TSC11	9.0	5.5	Đạt	
679	28208100741	Nguyễn Đỗ Ngọc Yên	10/20/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN7	5.3	5.3	Đạt	
680	28206750515	Nguyễn Ngọc Hải Yên	11/20/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC12	10.0	5.3	Đạt	
681	29204645546	Nguyễn Thị Mỹ Yên	7/4/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT7	9.3	5.0	Đạt	
682	28206702994	Nguyễn Thị Ngọc Yên	1/8/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TBN12	7.0	6.0	Đạt	